

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LT  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 12 - 2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Ánh Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trung Thành  
Bà Trần Thị Kim Khuyên

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: X, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành biện pháp cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc, địa chỉ: Xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 02/02/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh T. Quá

trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày; ngoài ra anh T thường xuyên chơi bời không chịu lao động dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 26/8/2022 đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng và gia đình hai bên không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Hiện nay anh T đang đi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/11/2022, anh T trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Y kết hôn ngày 02/02/2012, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên thỉnh thoảng anh có uống rượu và sử dụng ma túy. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, hiện nay anh đang thực hiện biện pháp cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Y, anh xin được đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị Y vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Chị và anh T đều trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 12/4/2013 và cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 25/8/2014; hiện nay cháu V đang ở cùng mẹ đẻ của anh là bà Nguyễn Thị T và cháu K đang ở cùng với chị Y. Ly hôn chị Y đề nghị được nuôi cháu V và cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T đề nghị được nuôi cháu V, chị Y nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị Y ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của chị Y, giao cháu Nguyễn Thế V và cháu Nguyễn Thế K cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Đ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn T: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị Y và anh T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; chị Y và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, quá trình sống ly thân anh chị không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, anh T hiện đang thực hiện biện pháp cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh T; anh T vẫn còn tình cảm với chị Y xin được đoàn tụ, tuy nhiên nếu chị Y kiến quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn chị Y. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và điều kiện kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng anh chị hay cãi chửi nhau; hiện nay anh T đang đi cai nghiện ma túy tự nguyện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, anh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được việc chị Y xin ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 12/4/2013 và cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 25/8/2014; hiện nay cháu V đang ở cùng mẹ đẻ của anh T là bà Nguyễn Thị T và cháu K đang ở cùng với chị Y. Ly hôn chị Y đề nghị được nuôi cháu V và cháu K, không yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T đề nghị được nuôi cháu V, chị Y nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, hiện nay anh T đang đi cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Vĩnh Phúc không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục được con chung; chị Y hiện là công nhân tại khu Công nghiệp Kg, thành phố V, thu nhập bình quân là từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/ tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các con sau khi cha mẹ ly hôn theo quy định của pháp luật, nên cần giao cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu V và cháu K là phù hợp, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu là muốn được ở cùng mẹ. Do chị Y không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thế V, sinh ngày 12/4/2013 và cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 25/8/2014 (cháu V đang ở cùng mẹ đẻ của anh T; cháu K đang ở cùng chị Y). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006448 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; chị Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự.
- UBND xã Đồng Ích;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Kim Thị Ánh Vân**

